TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/2023/QĐST-DS	*Đ, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 480, Điều 489, Điều 490, Điều 491 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 260/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1961; trú tại: Số 6/6, Khu C, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Hồ Bảo N sinh năm 1993; địa chỉ liên hệ: Số 375, Quốc lộ A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dương Đình N – Luật sư của Văn phòng Luật sư Dương Đình N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Voòng A sinh năm 1965; trú tại: Số 6/6, Khu C, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về yêu cầu khởi kiện:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Voòng A thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê đất vườn giữa bà Nguyễn Thị C với ông Voòng A.

Ông Voòng A phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền thuê phòng trọ và thuê đất còn thiếu là 54.273.000 đồng (năm mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Ông Voòng A phải di dời tài sản trên diện tích đất thuê gồm: ½ chiều cao (1,5m) hàng rào lưới B40 phía trên diện tích đất thuê 600m^2; Phần trụ và khung sắt + kệ sắt + hoa lan + cây tiểu cảnh trồng trong chậu + hệ thống tưới nước trong khuôn viên 600m^2 để trả lại diện tích đất thuê thuộc một phần thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 13 (299) cho bà Nguyễn Thị C trước ngày 01/4/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị C đã nộp xong.

- *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C nhận chịu nên phải chịu án phí theo quy định là 753.412 đồng (bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm mười hai đồng). Ông Voòng A phải chịu theo quy định là 753.412 đồng (bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm mười hai đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phượng Diễm